

Số: **341** /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày **20** tháng **01** năm **2016**

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ Liên đoàn Quần vợt Nghệ An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động và quản lý Hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Liên đoàn Quần vợt Nghệ An tại Tờ trình số 05/Ttr-LĐQVNA ngày 03/11/2015 và Sở Nội vụ Tại Tờ trình số 259/TTr-SNV ngày 28/12/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Liên đoàn Quần vợt Nghệ An đã được Đại hội nhiệm kỳ thành lập (nhiệm kỳ 2015 - 2020) thông qua ngày 24/10/2015 (Có Điều lệ kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Liên đoàn Quần vợt Nghệ An chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Nội vụ; (đề b/c)
- Chủ tịch, PCT (TT.) UBND tỉnh;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Sở Nội vụ (2b);
- Công an tỉnh Nghệ An (PA83);
- Lưu: VT, TH.





Lê Xuân Đại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

Liên đoàn Quần vợt tỉnh Nghệ An

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 20/01/2016
của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên gọi: Liên đoàn Quần vợt tỉnh Nghệ An.
2. Tên viết tắt: LDQVNA
3. Biểu tượng:

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Liên đoàn Quần vợt tỉnh Nghệ An là tổ chức xã hội, tự nguyện thành lập nhằm tập hợp các hội viên và những người tự nguyện hoạt động thể thao đáp ứng các yêu cầu hỗ trợ tích cực nhiệm vụ tổ chức, tập luyện thể thao, phong trào Quần vợt trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Mục đích của Liên đoàn Quần vợt tỉnh Nghệ An nhằm đẩy mạnh phong trào tập luyện, thi đấu môn Quần vợt góp phần rèn luyện sức khỏe, nâng cao thể lực, nâng cao thành tích và vị thế của quần vợt Nghệ An trong khu vực bắc trung bộ và toàn quốc.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Liên đoàn Quần vợt tỉnh Nghệ An hoạt động trong phạm vi tỉnh Nghệ An, là thành viên chính thức của Liên đoàn quần vợt Việt Nam, tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Liên đoàn được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Liên đoàn chịu sự quản lý Nhà nước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Nghệ An và các sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn theo quy định của pháp luật.

2. Liên đoàn Quần vợt tỉnh Nghệ An có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

3. Trụ sở của Liên đoàn đặt tại: Đài PTTH tỉnh, số 01 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Vinh, Nghệ An.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.

2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Liên đoàn

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 5. Quyền hạn

1. Tổ chức tuyên truyền về tôn chỉ, mục đích và các hoạt động của Liên đoàn phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến quyền hạn, nhiệm vụ của Liên đoàn
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Liên đoàn theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan Nhà nước.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Liên đoàn theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề có liên quan tới sự phát triển của Liên đoàn và lĩnh vực Liên đoàn hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Liên đoàn. Phối hợp tổ chức các hoạt động, sự kiện văn hóa, thể thao của tỉnh.
7. Được gây quỹ Liên đoàn trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật.
8. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.
9. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Liên đoàn. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Liên đoàn để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự

xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên Liên đoàn; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Liên đoàn; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Liên đoàn nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Liên đoàn, góp phần phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, thể dục thể thao của tỉnh nhà.

3. Phổ biến, hướng dẫn các hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước, Điều lệ, quy chế, quy định của Liên đoàn.

4. Tăng cường trao đổi học tập nâng cao trình độ phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ giữa các hội viên; Tập hợp hội viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ do Liên đoàn Quần vợt Việt Nam và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nghệ An tổ chức.

5. Phân công các hội viên làm nhiệm vụ tổ chức, thi đấu các giải Quần vợt trong phạm vi toàn quốc, tỉnh, huyện, thành phố, các Sở, Ban, ngành, cơ quan, doanh nghiệp khi có yêu cầu.

6. Được tham gia phục vụ các giải thi đấu trong các hoạt động thể dục thể thao của tỉnh, các giải thể thao toàn quốc và khu vực (*khi được điều động*).

7. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Liên đoàn theo quy định của pháp luật.

8. Tổ chức sinh hoạt, họp 6 tháng/lần.

9. Tổ chức hội nghị thường niên mỗi năm một lần để tổng kết, đánh giá hoạt động của Liên đoàn trong năm và phương hướng hoạt động năm tới.

10. Báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Liên đoàn theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 7. Hội viên Liên đoàn

1. Công dân Việt Nam có hộ khẩu thường trú và tham gia các câu lạc bộ quần vợt tại tỉnh Nghệ An, có quyền công dân, hoạt động trong mọi ngành nghề trong và ngoài cơ quan Nhà nước tán thành điều lệ Liên đoàn, tự nguyện xin vào Liên đoàn thì được Ban lãnh đạo xem xét, kết nạp làm hội viên của Liên đoàn.

2. Những người có công đóng góp cho Liên đoàn, được ban lãnh đạo hội xem xét mời làm hội viên danh dự của Liên đoàn.

Điều 8. Quyền của hội viên

1. Được Liên đoàn bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.
2. Được Liên đoàn cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn.
3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Liên đoàn theo quy định; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn.
4. Được dự đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử, các chức danh lãnh đạo và các ban theo quy định của Liên đoàn.
5. Được giới thiệu hội viên mới tham gia Liên đoàn.
6. Được khen thưởng theo quy định của Liên đoàn.
7. Được cấp thẻ hội viên.
8. Được tham gia các Giải đấu chính thức và các Giải đấu giao hữu do Liên đoàn tổ chức.
9. Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Liên đoàn và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử ban lãnh đạo, các ban của Liên đoàn.

Điều 9. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành điều lệ, quy định của Liên đoàn.
2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Liên đoàn; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Liên đoàn phát triển vững mạnh.
3. Bảo vệ uy tín của Liên đoàn, không được nhân danh Liên đoàn trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Liên đoàn phân công bằng văn bản.
4. Thảo luận và biểu quyết mọi công việc của Liên đoàn.
5. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Liên đoàn.
6. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Liên đoàn.

Điều 10. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra Liên đoàn

1. Hội viên muốn gia nhập Liên đoàn, xin ra khỏi Liên đoàn phải làm đơn gửi Ban thường vụ Liên đoàn xem xét, quyết định.
2. Hội viên bị khai trừ khỏi Liên đoàn trong các trường hợp: vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Liên đoàn, không chấp hành nghị quyết, quyết định của Liên đoàn hoặc làm mất uy tín Liên đoàn.

3. Hội viên 2 năm liên tục không thực hiện nghĩa vụ đóng Hội phí, đương nhiên không còn là Hội viên chính thức của Liên đoàn

4. Ban thường vụ Liên đoàn quy định cụ thể việc gia nhập, xin ra, khai trừ hội viên, mức thu đóng Hội phí phù hợp với Điều lệ Liên đoàn và quy định của pháp luật.

Chương IV

CƠ CẤU TỔ CHỨC LIÊN ĐOÀN

Điều 11. Cơ cấu tổ chức của Liên đoàn

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban thường vụ.
4. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch.
5. Tổng thư ký
6. Ban Kiểm tra.
7. Các Ban chuyên trách.
8. Văn phòng Liên đoàn
9. Các Câu lạc bộ trên địa bàn.

Điều 12. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Liên đoàn là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (*hai phần ba*) tổng số ủy viên ban chấp hành, hoặc có ít nhất 1/2 (*một phần hai*) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ, hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (*một phần hai*) số hội viên chính thức hoặc 1/2 (*một phần hai*) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của đại hội:

- Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ mới của Liên đoàn.

- Thảo luận và thông qua điều lệ; điều lệ (*sửa đổi, bổ sung*); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Liên đoàn (*nếu có*).

- Thảo luận, góp ý kiến vào báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và báo cáo tài chính của Liên đoàn.

- Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra; bầu đại biểu dự đại hội cấp trên (nếu có).

- Các nội dung khác (nếu có).

- Thông qua nghị quyết đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại đại hội:

- Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do đại hội quyết định;

- Việc biểu quyết thông qua các quyết định của đại hội phải trên 50% (hoặc quá 1/2) đại biểu chính thức có mặt tại đại hội tán thành.

Điều 13. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành do đại hội bầu ra trong số các hội viên của Liên đoàn. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, hình thức bầu Ủy viên BCH do đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của BCH cùng với nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của ban chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội, Điều lệ Liên đoàn, lãnh đạo mọi hoạt động của Liên đoàn giữa hai nhiệm kỳ;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Liên đoàn;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Liên đoàn, ban hành quy chế hoạt động của Ban chấp hành, ban thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên đoàn; Quy chế sử dụng con dấu của Liên đoàn; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Liên đoàn phù hợp với quy định của Điều lệ Liên đoàn và quy định của pháp luật.

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, Các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và các Ủy viên BCH, bầu bổ sung Ủy viên BCH, ủy viên Ban Kiểm tra. Số Ủy viên BCH bầu bổ sung không được quá 1/3 so với số lượng Ủy viên BCH đã được đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của ban chấp hành:

a) Ban chấp hành hoạt động theo quy chế của ban chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn;

b) Ban chấp hành họp định kỳ 6 (sáu) tháng một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của ban thường vụ hoặc trên 1/2 tổng số ủy viên ban chấp hành;

c) Các cuộc họp của ban chấp hành là họp lệ khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) ủy viên ban chấp hành tham dự họp. ban chấp hành có thể biểu quyết bằng hình

thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do ban chấp hành quyết định.

- Các nghị quyết, quyết định của ban chấp hành được thông qua khi có trên 50% tổng số Ủy viên ban chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của chủ tịch Liên đoàn.

Điều 14. Ban thường vụ

1. Ban thường vụ gồm có: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và các Ủy viên, do ban chấp hành bầu ra. Số lượng Ban thường vụ do ban chấp hành quyết định.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thường vụ:

a) Giúp ban chấp hành điều hành các công việc thường xuyên của Liên đoàn theo nghị quyết đại hội, Điều lệ Liên đoàn, quyết định của ban chấp hành Liên đoàn giữa hai kỳ họp.

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp ban chấp hành.

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị trực thuộc của Liên đoàn theo nghị quyết của ban chấp hành; quy định chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ cơ cấu tổ chức; Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Liên đoàn.

3. Nguyên tắc hoạt động của ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo quy chế do ban chấp hành ban hành, tuân thủ quy định pháp luật và điều lệ của Liên đoàn.

b) Ban Thường vụ họp định kỳ 6 tháng một lần có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Liên đoàn hoặc trên tổng số 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ.

Điều 15. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký Liên đoàn

1. Chủ tịch Liên đoàn: Chủ tịch Liên đoàn là người định hướng và chỉ đạo kế hoạch phát triển Liên đoàn từng năm và kế hoạch phát triển cả nhiệm kỳ; đại diện cho Liên đoàn trong những mối quan hệ với các tổ chức khác; chủ trì các kỳ họp của ban chấp hành và ban thường vụ.

- Ký các văn bản quan trọng liên quan đến hoạt động của Liên đoàn.

2. Phó Chủ tịch Thường trực .

- Phụ trách công tác kế hoạch, chuyên môn, đào tạo, phát triển Hội viên, công tác tổ chức thi đấu và một số nhiệm vụ khác khi được Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên đoàn phân công.

- Điều hành một số hoạt động của Liên đoàn, thay mặt Chủ tịch ký các văn bản của Liên đoàn khi được Chủ tịch Liên đoàn ủy quyền.

- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của đại hội.

- Chuẩn bị nội dung các kỳ họp của ban thường vụ và của Liên đoàn.

- Trực tiếp giữ mối liên hệ với các CLB trên địa bàn tham gia Liên đoàn

3. Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký.

- Chịu trách nhiệm chính điều hành tất cả các hoạt động của Liên đoàn; Phối hợp chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội và các quyết định của ban chấp hành; chịu trách nhiệm trước ban chấp hành và toàn thể hội viên về các hoạt động của Liên đoàn

- Chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính trước Liên đoàn và pháp luật, công tác đối ngoại, truyền thông, tổ chức, văn phòng của Liên đoàn; Là chủ tài khoản của Liên đoàn, trực tiếp làm Chánh Văn phòng và quản lý Văn phòng Liên đoàn.

- Ký các văn bản quan trọng của Liên đoàn sau khi xin ý kiến Chủ tịch Liên đoàn.

- Lập báo cáo hàng năm về tình hình hoạt động của Liên đoàn gửi cơ quan quản lý cấp trên.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban và 02 Ủy viên do đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Kiểm tra do đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện điều lệ Liên đoàn, nghị quyết đại hội; nghị quyết, quyết định của BCH, Ban thường vụ trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Liên đoàn.

- Kiểm tra các tổ chức thuộc Liên đoàn, hội viên khi có dấu hiệu vi phạm trong việc thực hiện nhiệm vụ, nghị quyết, điều lệ Liên đoàn; kiểm tra tài chính Liên đoàn.

- Có quyền yêu cầu được cung cấp những tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra.

- Xem xét giải quyết, đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo có liên quan đến Liên đoàn, hội viên, những trường hợp vi phạm kỷ luật và đề nghị ban thường vụ ra quyết định xử lý.

Điều 17. Các Ban chuyên trách

Ban Thường vụ quyết định thành lập các Ban chuyên trách gồm:

1. Ban chuyên môn kỹ thuật, Thi đua - Khen thưởng: Phụ trách về chuyên môn kỹ thuật thi đấu và hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn, thực hiện các chế độ, chính sách của các thành viên trong Liên đoàn, tổng hợp các ý kiến đóng góp, khiếu nại và xây dựng của thành viên trong Liên đoàn, cùng tham mưu cho BCH giải quyết mọi việc có liên quan đến khen thưởng, kỷ luật của Liên đoàn; Phụ trách công tác xây dựng phát triển Hội viên.

3. Ban Đối ngoại - Truyền thông và Vận động tài trợ: Phụ trách hậu cần và chăm sóc đời sống cho các thành viên khi tham gia hoạt động chuyên môn của Liên đoàn, chuyên trách đối ngoại và liên hệ tài trợ mang lại quyền lợi cho Liên đoàn, giúp BCH lập kế hoạch tài chính và phương hướng hoạt động của Liên đoàn.

4. Văn phòng Liên đoàn. Phụ trách mọi công tác văn phòng, hồ sơ, sổ sách, tài chính kế toán, công văn đi đến của Liên đoàn. Phối hợp với các Ban chuyên môn khác trong Liên đoàn để giúp Chủ tịch, Phó chủ tịch thường trực và Tổng thư ký điều hành mọi hoạt động của Liên đoàn.

5. Các câu lạc bộ. Là tổ chức tự nguyện, do các Hội viên cùng sinh hoạt trên một sân lập ra và tổ chức bầu ban chủ nhiệm. Ban chủ nhiệm có trách nhiệm tập hợp Hội viên của CLB mình, thay mặt các Hội viên trong CLB giữ liên lạc trực tiếp và thường xuyên với BTV Liên đoàn. Các CLB được cử đại diện tham gia BCH Liên đoàn.

Chương V

TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Điều 18. Tài chính Liên đoàn

1. Nguồn thu:

- Hội phí của hội viên.
- Tiền ủng hộ của các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước.
- Tiền tài trợ, quảng cáo.
- Tiền thực hiện hợp đồng tổ chức thi đấu.
- Các khoản thu hợp pháp khác.

2. Các khoản chi:

- Chi hành chính.
- Chi cho trang thiết bị phục vụ chuyên môn.
- Chi phí khác và chi cho quan hệ đối ngoại.

- Tài chính của Liên đoàn được quản lý thống nhất theo quy định về tài chính của Nhà nước và phải báo cáo công khai trong kỳ họp Ban lãnh đạo.

3. Tổng thư ký Liên đoàn chịu trách nhiệm về mọi khoản thu chi và quyết toán của Liên đoàn.

Điều 19. Quản lý tài chính, tài sản của Liên đoàn

1. Tất cả tài sản, tài chính của hội chi được sử dụng cho các hoạt động của Liên đoàn.

2. Tài chính, tài sản của Liên đoàn khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. BCH Liên đoàn ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên đoàn đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Liên đoàn.

Chương VI

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể Liên đoàn:

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Liên đoàn thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Chương VII

KHEN THƯỞNG - KỶ LUẬT

Điều 21. Khen thưởng

Tổ chức và hội viên của Liên đoàn có thành tích xuất sắc trong công tác sẽ được BCH hội khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Liên đoàn Quân vọt Việt Nam khen thưởng.

Điều 22. Kỷ luật

- Trong thời gian sinh hoạt Liên đoàn, nếu hội viên nào bị toà án tước quyền công dân thì đương nhiên bị khai trừ khỏi Liên đoàn. Khi sinh hoạt Liên đoàn, nếu 02 lần liên tục vắng mặt không lý do hoặc 2 năm liên tục không đóng Hội phí thì coi như hội viên đó tự ý không sinh hoạt Liên đoàn nữa.

- CLB không hoàn thành các nhiệm vụ do Liên đoàn đề ra hàng năm sẽ bị BTV xem xét hình thức xử lý từ nhắc nhở, cảnh cáo đến khai trừ ra khỏi tổ chức Liên đoàn.

- Hội viên vi phạm điều lệ và các quy định của hội, làm tổn hại đến uy tín, danh dự, tài chính của Liên đoàn thì tùy theo mức độ mà xử lý với các hình thức: phê bình, khiển trách, cảnh cáo, bồi thường thiệt hại, bãi miễn, khai trừ hội viên.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung điều lệ

Chỉ có Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể hội viên mới có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ này.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Điều lệ này gồm 08 chương 24 điều được Đại hội thành lập Liên đoàn Quân võt tỉnh Nghệ An thông qua vào ngày 24 tháng 10 năm 2015 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định phê duyệt./.
